Hướng dẫn quyết toán

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

2025

AUD Việt Nam
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Cẩm Lệ,
Thành phố Đà Nẵng

Hotline
0919.875.886 (Mr. Minh)
0935.380.858 (Mr. Hải)

Website & Email
www.aud.vn
aud@aud.vn

AUD VIỆT NAM

Lời mở đầu

Kính gửi Quý khách hàng,

Trước hết, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý khách hàng đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ của Quý khách chính là động lực để chúng tôi không ngừng nỗ lực, cập nhật kịp thời các thay đổi, nâng cao chất lượng chuyên môn và mang đến những giải pháp tối ưu, phù hợp nhất cho doanh nghiệp.

Năm 2025 được ghi nhận là một năm đầy biến động khi hàng loạt chính sách, quy định và xu hướng mới liên tục thay đổi trên hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Đặc biệt, trong lĩnh vực kế toán – thuế, sự điều chỉnh và cập nhật dày đặc của các văn bản pháp luật đã tạo ra không ít thách thức cho doanh nghiệp trong việc theo dõi, áp dụng và tuân thủ đúng quy định.

Thấu hiểu những thách thức mà doanh nghiệp đang đối mặt, AUD Việt Nam đã tâm huyết biên soạn tài liệu "Hướng dẫn quyết toán thuế TNDN và thuế TNCN năm 2025". Chúng tôi kỳ vọng bộ tài liệu này không chỉ cung cấp hệ thống thông tin pháp lý được cập nhật, đầy đủ và dễ hiểu, mà còn trở thành công cụ hỗ trợ thiết thực, giúp Quý khách hàng chủ động thực hiện quyết toán thuế đúng quy định, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.

Bộ tài liệu này bao gồm:

- Hướng dẫn quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Với những thông tin chi tiết và ví dụ thực tế để doanh nghiệp hiểu rõ các quy định, tránh những sai sót không đáng có

- Hướng dẫn quyết toán thuế Thu nhập cá nhân (TNCN): Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đúng quy định, minh bạch và thuận lợi.

Chúng tôi tin tưởng rằng tài liệu này sẽ hỗ trợ Quý khách hàng giải đáp những vướng mắc phát sinh, giảm thiểu áp lực trong quá trình thực hiện và hoàn tất công tác quyết toán thuế một cách đầy đủ, chính xác và hiệu quả nhất.

Một lần nữa, AUD Việt Nam xin trân trọng cảm ơn Quý khách hàng đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi. Chúng tôi cam kết tiếp tục lắng nghe, thấu hiểu và sẵn sàng hỗ trợ Quý khách hàng trong mọi vấn đề phát sinh. Kính chúc Quý khách hàng năm mới nhiều sức khỏe, thành công rực rỡ và phát triển bền vững.

Trân trọng,

AUD Việt Nam

MỤC LỤC

1. Căn cứ pháp lý....3
2. Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN. 4
3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN....5
4. Một số lưu ý khi quyết toán thuế TNDN 5
   a. Thu nhập chịu thuế....5
   b. Thu nhập miễn thuế 5
   c. Chi phí được trừ và chi phí không được trừ 5
      Chi phí thực tế phát sinh không tương ứng với doanh thu 6
      Chi phí cho người lao động....6
      Thanh toán tiền lương, tiền công bằng tiền mặt.... 6
      Khoản chi cho NLĐ chưa có giấy phép lao động 6
      Thuế thu nhập cá nhân (hợp đồng lương NET).... 7
      Bảo hiểm xã hội (hợp đồng lương NET).... 7
      Khoản khoán chi phụ cấp điện thoại.... 7
      Chi trợ cấp thôi việc 7
      Tiền lương làm thêm giờ vượt mức.... 8
      Chi phí vé máy bay, khách sạn... cho nhân viên nước ngoài 8
      Tiền cho ngày phép năm chưa nghỉ hết.... 8

      Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ....9
      Chi phí mua hàng được lập bảng kê 9
      Bù trừ công nợ khi mua hàng 10
      Chi phí thuê nhà xưởng khi chưa phát sinh doanh thu 10
      Thuê tài sản cá nhân.... 11
      Chi phí quảng cáo Tiktok.... 11
      Quà tặng khách hàng 11

      Chi phí dự phòng 12
      Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.... 12
      Dự phòng nợ phải thu khó đòi.... 12

      Chi phí lãi vay 12
      Vay nợ không dùng tiền mặt.... 12
      Lãi vay cá nhân/tổ chức 12
      Vay khi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.... 12

      Các chi phí khác 13
      Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế nhà thầu).... 13
      Thuế giá trị gia tăng 13

Chi phí khấu hao TSCĐ không đăng ký *13*
Chi phí hỗ trợ vận chuyển *14*
Tiền thưởng từ tích điểm đơn hàng *14*
Chi phí thuế bị ấn định *14*
Chi phí xây dựng sân thể thao, mua sắm thiết bị thể thao *14*
Chi phí hoa hồng môi giới cho cá nhân nước ngoài *15*
5. Giao dịch liên kết 15
6. Bù trừ thu nhập chịu thuế 17
7. Chuyển lỗ 17
8. Thuế suất 17
9. Ưu đãi thuế TNDN 19
10. Miễn giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp vừa và nhỏ 19

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	**Nội dung**
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
BCTC	Báo cáo tài chính
VAT/GTGT	Thuế giá trị gia tăng
GDLK	Giao dịch liên kết
BHXH	Bảo hiểm xã hội
NLĐ	Người lao động
NSDLĐ	Người sử dụng lao động
Lương NET	Tiền lương không bao gồm BHXH và thuế TNCN
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh

1. Căn cứ pháp lý

Luật và Nghị quyết

* Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025)*
* Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân
* Luật số 56/2025/QH15 ngày 29/11/2024 (*sửa đổi, bổ sung 09 luật và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025*)
* Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019
* Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 61/2020/QH14, Luật số 12/2022/QH15 và Luật số 15/2023/QH15 (*hết hiệu lực kể từ ngày 01/10/2025*).

Nghị định

* Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp *(có hiệu lực từ 15/12/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025)*
* Nghị định 20/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15
* Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 về quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết
* Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
* Nghị định 126/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý thuế

Thông tư

* Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
* Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế
* Thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC
* Thông tư 25/2018/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Thông tư 78/2014/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC

  (Kể từ ngày 01/10/2025, các thông tư nêu trên không còn phù hợp để áp dụng do Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã hết hiệu lực từ ngày 01/10/2025)
* Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP

Và một số công văn hướng dẫn của Cục Thuế và các Thuế tỉnh, thành phố

2. Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN

Hồ sơ	Chi tiết
Tờ khai quyết toán thuế TNDN	* Mẫu số 03/TNDN (áp dụng cho phương pháp doanh thu - chi phí) * Mẫu số 04/TNDN (áp dụng cho phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)
Các phụ lục kèm theo	* Phụ lục 03-1A/TNDN: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Đối với doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ) * Phụ lục 03-2/TNDN: Phụ lục chuyển lỗ * Phụ lục 03-3A/TNDN đến 03-3D/TNDN: Phụ lục về ưu đãi thuế * Phụ lục 03-4/TNDN: Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế * Phụ lục 03-5/TNDN: Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản * Phụ lục 03-6/TNDN: Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ * Phụ lục 03-8: Phân bổ thuế TNDN * Phụ lục 03-9: Bảng kê chứng từ nộp thuế TNDN tạm nộp.
Tờ khai Giao dịch liên kết *(nếu có)*	* Phụ lục I: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết * Phụ lục II: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia * Phụ lục III: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu * Phụ lục IV: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia
Báo cáo tài chính năm	Được nộp trước khi nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN. *Lưu ý: Một số trường hợp báo cáo tài chính bắt buộc phải được kiểm toán (*)*

(*) *Một số trường hợp báo cáo tài chính bắt buộc phải được kiểm toán, bao gồm:*

- *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;*
- *Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng;*
- *Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.*
- *Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.*
- *Doanh nghiệp khác có quy mô lớn (thỏa mãn ít nhất 2 trong 3 tiêu chí sau: Có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm trên 200 người trở lên, có tổng doanh thu của năm trên 300 tỷ đồng trở lên, có tổng tài sản trên 100 tỷ đồng trở lên).*

*(Tìm hiểu thêm về dịch vụ kiểm toán BCTC tại AUD Việt Nam **tại đây**)*

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN

Năm tài chính	Hạn nộp hồ sơ
Trùng năm dương lịch	Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (ngày 31/03/2026)
Khác năm dương lịch	Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm tài chính
Chấm dứt hoạt động, tổ chức lại doanh nghiệp	Chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện

*(Xem thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2025 **tại đây**)*

4. Một số lưu ý khi quyết toán thuế TNDN năm 2025

a. Thu nhập chịu thuế TNDN:

Thu nhập chịu thuế	
Thu nhập của doanh nghiệp từ ngành nghề đã đăng ký kinh doanh	Thu nhập khác

Lưu ý: Xác định các khoản thu nhập được ưu đãi thuế hoặc được hưởng thuế suất 15% hoặc 17% căn cứ vào quy định chi tiết tại khoản 9, Điều 23, Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

b. Thu nhập miễn thuế TNDN

Theo quy định, có 14 khoản thu nhập được miễn thuế, thuộc các nhóm sau:

- Thu nhập từ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối
- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ
- Thu nhập từ các công cụ "tài chính xanh" và liên quan đến môi trường sau đây có thể được miễn thuế TNDN khi đáp ứng các điều kiện quy định trong Nghị định
- Thu nhập từ quỹ hỗ trợ đầu tư của Chính phủ được miễn thuế TNDN.

Điều kiện miễn thuế được quy định cụ thể từ Khoản 1 đến Khoản 14, Điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

c. Chi phí được trừ và chi phí không được trừ

❖ **Điều kiện cơ bản xác định khoản chi được trừ:**

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với những hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm VAT) (*).

  (*) Được áp dụng từ ngày 15/12/2025, trước thời điểm này, mức khống chế là từ 20 triệu đồng trở lên.

❖ **Một số khoản chi phí cần lưu ý:**

- ***Các khoản chi thực tế phát sinh nhưng chưa tương ứng doanh thu***

  Kỳ tính thuế năm 2025, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ 09 khoản chi đã thực tế phát sinh nhưng chưa tương ứng với doanh thu, cụ thể:

  – Chi phí của bên tham gia đấu thầu nhưng không trúng thầu;
  – Chi phí nghiên cứu, đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm, dịch vụ mới nhưng không thành công;
  – Chi phí giới thiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ trước khi bán hàng;
  – Chi phí thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng trong giai đoạn chưa tham gia vào hoạt động SXKD;
  – Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê;
  – Chi phí thành lập doanh nghiệp và chi phí hoàn trả hiện trạng trước khi chấm dứt hoạt động;
  – Chi phí hủy hàng tồn kho lạc hậu, lỗi thời, không còn giá trị sử dụng;
  – Chi phí hủy phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất;
  – Chi phí hủy tài sản do hư hỏng không còn nhu cầu sử dụng.

  (Thông tư hướng dẫn về thuế TNDN sẽ quy định cụ thể về hồ sơ, chứng từ hợp lệ của các khoản chi phí nêu trên)

- ***Chi phí cho người lao động***

Nội dung	Quy định
Thanh toán tiền lương, tiền công bằng tiền mặt	Kể từ ngày 15/12/2025, đối với khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên cho người lao động, để được tính vào chi phí được trừ thì doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Việc xác định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. *(Công văn số 218/CST-TN ngày 27/01/2026 của Cục Quản lý, Giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí)*
Khoản chi cho người lao động chưa có giấy phép lao động	Trường hợp Công ty có các khoản chi mang tính chất tiền lương, tiền công cho người lao động là người nước ngoài để thực hiện các công việc tại Việt Nam nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động thì không đủ điều kiện tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. *(Công văn 2539/CTDAN-TTHT ngày 13/03/2024 của Cục thuế Đà Nẵng)*

Thuế thu nhập cá nhân (hợp đồng lương NET)	Doanh nghiệp được tính chi phí được trừ đối với phần thuế TNCN nộp thay cho người lao động đối với trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân (hợp đồng lương NET). *(Khoản 12, Điều 10, Nghị định 320/2025/NĐ-CP)*
Bảo hiểm xã hội (hợp đồng lương NET)	Trường hợp Công ty ký hợp đồng lao động với người lao động theo hình thức trả lương "Net", tại hợp đồng lao động quy định rõ Công ty sẽ nộp thay toàn bộ thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn thì các khoản nộp thay này (Công ty đã không tính vào lương), Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(Công văn 1134/CT-TTHT ngày 04/02/2016 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh)* Trường hợp Công ty ký hợp đồng lao động với cá nhân người lao động, có thỏa thuận cá nhân nhận lương không bao gồm thuế (Lương Net), Công ty trả thay cho người lao động các khoản bảo hiểm bắt buộc (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN) và thuế thu nhập cá nhân thì Công ty phải quy đổi thu nhập không bao gồm thuế và các khoản trả thay thành thu nhập tính thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Tổng chi phí tiền lương gồm: lương Net, các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) và thuế thu nhập cá nhân Công ty nộp thay nếu đáp ứng các điều kiện được trừ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. *(Công văn 6993/CT-TTHT ngày 21/07/2016 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh)*
Khoản khoán chi phụ cấp điện thoại	Trường hợp Công ty áp dụng hình thức khoán chi tiền phụ cấp điện thoại cho người lao động được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty thì Công ty được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(Công văn 28810/CTHN-TTHT ngày 17/05/2024 của Cục thuế TP. Hà Nội)*
Trợ cấp thôi việc	Nếu Công ty có trích bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định thì sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm thất nghiệp để chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động, không được tính trừ khoản chi này khi xác định thu nhập chịu thuế. Nếu Công ty không trích khoản bảo hiểm thất nghiệp thì khi chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao

	động đúng quy định hiện hành thì được tính trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(Công văn 4314/CTBDI-TTHT ngày 07/12/2023 của Cục thuế Bình Định)* Công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người lao động sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp được chi trả bởi Cơ quan Bảo hiểm. Trường hợp Công ty chi trả khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động cao hơn mức quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. *(Công văn 1352/TCT-DNNCN ngày 11/04/2019 của Tổng cục Thuế)*
Chi phí làm thêm giờ vượt mức quy định	Chi phí làm thêm của người lao động không được vượt mức 200 giờ/năm. Khoản chi cho làm thêm giờ vượt mức thời gian quy định của pháp luật về lao động sẽ không đáp ứng điều kiện chi phí được trừ. *(Trường hợp cấp bách và cần thiết, doanh nghiệp cần thông báo với Sở LĐTB&XH chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày thực hiện làm thêm trên 200 giờ/một năm (thời gian làm thêm tối đa không quá 300 giờ/năm). Với chi phí làm thêm giờ vượt quá quy định nhưng chưa được thông báo sẽ không được tính vào chi phí được trừ).* *(Điều 107 Luật Lao động số 45/2019/QH14 và khoản 23, Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP)*
Chi phí vé máy bay, visa, khách sạn… cho các nhân viên là người nước ngoài	Trường hợp Công ty có phát sinh các khoản chi phí vé máy bay, visa, khách sạn… cho các nhân viên là người nước ngoài sang công tác tại Việt Nam để hỗ trợ đào tạo miễn phí và cho khách hàng sang thăm cơ sở hạ tầng nhà máy của Công ty tại Việt Nam thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. *(Công văn số 3326/CTBNI-TTHT ngày 26/06/2024 của Cục thuế Bắc Ninh)*
Tiền phép năm chưa nghỉ hết (*)	Theo quy định tại Luật Lao động, người lao động được thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ phép năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày phép của năm chỉ trong trường hợp người lao động thôi việc hoặc bị mất việc làm. Do đó, khi doanh nghiệp chi trả tiền lương cho những ngày chưa nghỉ hàng năm của người lao động phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành thì khoản chi này sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

(*) *Trường hợp người lao động đi làm trong những ngày nghỉ hằng năm thì NLĐ được thanh toán tiền lương như thế nào?*

Công văn 308/CV-PC ngày 20/07/2022 của Vụ Pháp chế trả lời về trường hợp đi làm trong những ngày nghỉ phép như sau:

- *Cần xác định ba quy định/nguyên tắc đã được nêu trong Bộ Luật Lao động, gồm:*
  - *Nghỉ phép năm là quyền của người lao động. Do đó NLĐ có thể dùng hoặc không dùng. NLĐ có quyền nghỉ nhưng không có nghĩa vụ nghỉ.*
  - *NSDLĐ có trách nhiệm quy định lịch nghỉ hằng năm.*
  - *Sẽ chỉ bị xem là làm thêm giờ và phải trả 300% khi việc đi làm của NLĐ đã được xác định là đi làm vào ngày nghỉ phép.*
- *Trường hợp lịch nghỉ hằng năm đã xác định rõ ngày nghỉ cụ thể; NLĐ đi làm vào ngày nghỉ cụ thể đã được xác định đó (do NSDLĐ huy động hoặc hai bên thỏa thuận) thì xác định là NLĐ đi làm thêm vào ngày nghỉ có hưởng lương và NSDLĐ phải trả ít nhất bằng 300% theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 98 BLLĐ.*
- *Trường hợp lịch nghỉ hằng năm không xác định ngày nghỉ cụ thể (Ví dụ: Trường hợp lịch nghỉ linh hoạt, tạo điều kiện cho NLĐ đăng ký nghỉ vào thời gian theo nhu cầu cá nhân)*

  Đối với trường hợp này, NSDLĐ đã dành quyền quyết định ngày nghỉ cụ thể cho NLĐ với việc quy định lịch nghỉ linh hoạt theo tháng hoặc theo năm và NLĐ phải đăng ký/thông báo trước cho NSDLĐ. Do đó, nếu NLĐ không đăng ký/thông báo thì được hiểu là NLĐ đã từ bỏ quyền nghỉ phép năm trong tháng hoặc trong năm của mình. Đồng thời, trường hợp này cũng không xác định được ngày làm việc cụ thể nào là ngày nghỉ phép của NLĐ. Vì vậy, NSDLĐ có nghĩa vụ trả lương làm việc bình thường cho NLĐ mà không có nghĩa vụ phải trả lương làm thêm giờ cho NLĐ đối với những ngày NLĐ không nghỉ hoặc không nghỉ hết phép hằng năm.

  Trong trường hợp cần thiết, có thể hướng dẫn thêm cho NSDLĐ quy định trong nội quy lao động nội dung chặt chẽ hơn, cụ thể: "Trường hợp nội quy lao động hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp đã quy định trao quyền cho NLĐ đăng ký nghỉ phép nhưng NLĐ không đăng ký thì được coi là NLĐ từ bỏ quyền nghỉ hằng năm của mình".

❖ Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ

* *Chi phí mua hàng được lập bảng kê*

Các trường hợp cụ thể được lập bảng kê thu mua hàng hóa, bao gồm:

Các trường hợp	Một số thay đổi cần lưu ý (từ ngày 15/12/2025)
Sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra	Đổi từ "hàng hóa" thành "sản phẩm"
Sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, sõng, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công ~~không kinh doanh~~ trực tiếp bán ra	Trước đây chỉ nêu chung là "sản phẩm thủ công" mà không liệt kê cụ thể nguyên liệu. Bỏ cụm từ "không kinh doanh"

Mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt	Không thay đổi
~~Đất, đá, cát, sỏi của hộ, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra~~	Bỏ hoàn toàn trường hợp này
Mua đồ dùng, tài sản, ~~dịch vụ~~ của hộ, cá nhân không kinh doanh trực tiếp bán ra	Bổ sung thêm "đồ dùng" và bỏ cụm "dịch vụ"
Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế GTGT (100 triệu đồng/năm)	Từ ngày 01/01/2026, ngưỡng doanh thu chịu thuế GTGT được nâng lên là 500 triệu đồng/năm

Kể từ ngày 15/12/2025, tất cả các trường hợp mua hàng nêu trên phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm.

(Điểm b, Khoản 1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

* ***Bù trừ công nợ khi mua hàng***

Trường hợp Công ty nhập khẩu nguyên liệu, tài sản của Công ty A, theo thỏa thuận 03 bên thì Công ty C sẽ thay mặt Công ty thanh toán tiền hàng cho Công ty A. Nếu chi phí mua hàng nêu trên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và có chứng từ thanh toán không dùng, tiền mặt theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính đối với hàng hóa mua vào từ hai mươi triệu đồng trở lên thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

(Công văn số 5662/CTBNI-TTHT ngày 19/12/2024 của Cục thuế Bắc Ninh)

Trường hợp Công ty từ năm 2017 đến năm 2023, có phát sinh các khoản dịch vụ hỗ trợ cho khách hàng theo hợp đồng thỏa thuận và được bù trừ vào công nợ sau khi xuất khẩu hàng như: kiểm tra hoàn thiện kỹ thuật chất lượng sản phẩm, kiểm tra đóng gói sản phẩm, xuất hàng. Nếu các khoản dịch vụ này của tổ chức, cá nhân nước ngoài được cung cấp ngoài Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng không áp dụng thuế nhà thầu. Đối với khoản chi nêu trên cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo hợp đồng và khách hàng sẽ bù trừ vào công nợ sau khi xuất hàng được xác định là chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi phí bán hàng) nên được tính trừ khi xác định thu nhập chịu thuế nếu có chứng từ theo quy định nêu trên.

(Công văn 3568/CTBDI-TTHT ngày 17/10/2023 của Cục thuế Bình Định)

* ***Chi phí thuê nhà xưởng trước khi phát sinh doanh thu***

Trường hợp Công ty có khoản chi phí thuê nhà xưởng từ tháng 10/2024 đến tháng 4/2025 khi chưa phát sinh doanh thu, đây là khoản chi thường xuyên để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (không phải là các khoản chi đầu tư xây

dựng để hình thành tài sản cố định) và các khoản chi này đáp ứng các điều kiện theo quy định thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng điều kiện khoản chi được trừ và các khoản chi không được trừ quy định tại khoản1, khoản 2.31 Điều 6 Thông tư 96/2015/TTBTC và Điều 9, khoản 18 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn 2129/DON-QLND1 ngày 03/02/2026 của Thuế tỉnh Đồng Nai)

* ***Chi phí thuê tài sản của cá nhân***

Trường hợp Công ty thuê tài sản (nhà, xe ô tô) của cá nhân phục vụ hoạt động kinh doanh, trên hợp đồng thể hiện nội dung cá nhân cho thuê có trách nhiệm nộp toàn bộ thuế GTGT, TNCN và các loại thuế khác phát sinh thì hồ sơ chứng từ để xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

Đối với cá nhân cho thuê tài sản thực hiện đăng ký thuế và kê khai thuế theo quy định.

(Công văn 2210/CCTTP-TTTBTK ngày 03/07/2024 của Chi cục Thuế TP. Quy Nhơn)

* ***Chi phí quảng cáo trên Tiktok***

Trường hợp doanh nghiệp tại Việt Nam nhận được hóa đơn, chứng từ từ nhà cung cấp nước ngoài TikTok Pte. Ltd cho các dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang tên, địa chỉ, mã số thuế của doanh nghiệp và đáp ứng các điều kiện thanh toán theo quy định của pháp luật thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (bao gồm cả khoản tiền đã trả mà nhà cung cấp nước ngoài xác định là thuế GTGT được thể hiện trên hóa đơn, chứng từ của nhà cung cấp nước ngoài xuất cho doanh nghiệp Việt Nam).

(Công văn số 3115/CT-TTHT ngày 19/07/2024 của Tổng cục Thuế)

* ***Quà tặng khách hàng***

Trường hợp Công ty sử dụng hàng hóa để tặng quà cho khách hàng (kể cả mua ngoài hoặc do Công ty tự sản xuất), nếu việc tặng quà để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi liên quan đến việc tặng quà cho khách hàng nêu trên (khi tặng quà cho khách hàng, Công ty phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa, địch vụ cho khách hàng).

(Công văn số 27291/CTHN-TTHT ngày 10/05/2024 của Cục thuế TP. Hà Nội)

❖ **Chi phí dự phòng**

* ***Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Trường hợp Công ty không có đủ căn cứ xác định tại thời điểm lập báo cáo tài chính khoản đầu tư vào Công ty khác có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty thì Công ty không được trích lập chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư theo Thông tư 48/2019/TT-BTC và khoản chi phí tài chính từ việc giảm vốn đầu tư vào Công ty con do Công ty con giảm vốn điều lệ không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn số 3196/CT-CS ngày 15/08/2025 của Cục thuế)

* ***Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Trường hợp Công ty phát sinh các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng Công ty không thu hồi được đúng hạn, đồng thời đảm bảo điều kiện tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính thì Công ty được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC về xử lý tài chính cho các khoản nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC nêu trên. Khoản trích, lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn nêu trên được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

(Công văn 31787/CTBDU-TTHT ngày 18/12/2024 của Cục thuế Bình Dương)

❖ **Chi phí lãi vay**

* ***Vay nợ không dùng tiền mặt:*** Các giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau của các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng phải thực hiện bằng các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt.

(Điều 4, Thông tư 09/2015/TT-BTC ngày 29/01/2015)

* ***Lãi vay cá nhân/tổ chức*** (không phải là tổ chức tín dụng): Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự sẽ không được tính vào chi phí được trừ.

Theo quy định tại Điều 468, Bộ luật Dân sự:

"Điều 468. Lãi suất

1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác"*

(Khoản 10, Điều 10, Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

* ***Doanh nghiệp có giao dịch liên kết***: Tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ không vượt quá 30% EBITDA của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt

động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

❖ **Các chi phí khác**

* ***Thuế nhà thầu nước ngoài:***

Trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài mà theo thoả thuận tại hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài, doanh thu của doanh nghiệp nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản thuế TNDN nước ngoài mà công ty nộp thay này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Khoản 12, Điều 10, Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, doanh thu nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm thuế TNDN thì khoản thuế TNDN Công ty nộp hộ nhà thầu nước ngoài được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

(Công văn 3303/CT-TTHT ngày 22/01/2018 của Cục thuế Hà Nội)

* ***Thuế giá trị gia tăng***

Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với phần thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng biếu, hàng tặng không thu tiền theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phần thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tài trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của Nghị định 320/2025/NĐ-CP; phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế.
Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.

(Khoản 12, Điều 10, Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

Chi phí khấu hao của tài sản cố định (TSCĐ)

Trường hợp TSCĐ của Công ty là xe xúc lật thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước nhưng không có giấy tờ hợp pháp chứng minh thuộc quyền sở hữu của Công ty thì chi phí khấu hao TSCĐ này không được trừ khi xác định TNCT theo quy định tại khoản 2.2.b Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Các khoản chi phí nhiên liệu, sửa chữa TSCĐ không có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của Công ty thuộc trường hợp các khoản chi không có đủ chứng từ hợp pháp theo quy định pháp luật quy định tại khoản 1b Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC nên không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

(Công văn 10172/CTQNA-TTHT ngày 25/12/2023 của Cục thuế Quảng Nam)

* ***Chi phí hỗ trợ vận chuyển***

Trường hợp Công ty thực hiện hỗ trợ tiền vận chuyển cho bên mua nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thì khi nhận tiền hỗ trợ, bên mua phải lập hóa đơn GTGT giao cho Công ty và kê khai, nộp thuế GTGT. Đối với khoản hỗ trợ chi phí vận chuyển được hai bên lập biên bản bù trừ công nợ (để cấn trừ vào giá trị hàng hóa mua vào) và được quy định cụ thể trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng, có bảng kê, biên bản xác nhận chi phí hỗ trợ vận chuyển giữa hai bên thì Công ty được hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

(Công văn số 28812/CTHN-TTHT ngày 17/05/2024 của Cục Thuế TP. Hà Nội)

* ***Tiền thưởng từ tích điểm đơn hàng***

Trường hợp Công ty phát sinh khoản chi trả thưởng bằng tiền mặt (3 triệu đồng) cho khách hàng khi khách hàng mua đơn hàng tích lũy với số tiền từ 150 triệu đồng thì Công ty được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 24940/CTHN-TTHT ngày 26/04/2024 của Cục Thuế TP. Hà Nội)

* ***Chi phí thuế bị ấn định***

Trường hợp Công ty phát sinh số thuế phải nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan Hải quan, trừ trường hợp cơ quan Hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế thì: Đối với thuế GTGT đã nộp được khấu trừ toàn bộ theo hướng dẫn tại Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC. Đối với thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường đã nộp được hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.

(Công văn 31860/CTBDU-TTHT ngày 20/12/2024 của Cục thuế Bình Dương)

* ***Chi phí xây dựng sân thể thao, mua sắm thiết bị, dụng cụ thể thao***

Trường hợp Công ty thực hiện đầu tư, mua sắm các thiết bị thể dục, thể thao như: Máy chạy bộ, thiết bị cử tạ, sân bóng chuyền, sân cầu lông phục vụ cho người lao động làm việc tại Công ty thì: Khoản chi phí khấu hao tài sản cố định là sân bóng chuyền, sân cầu lông (gọi là khu thể thao) và các thiết bị, nội thất đủ điều kiện là tài sản cố định lắp đặt trong các khu thể thao nêu trên phục vụ cho người lao động được tính trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Vì khoản chi khấu hao tài sản cố định nêu trên được xác định không phải là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, nên không bị khống chế không vượt quá một tháng lương bình quân thực tế trong năm theo khoản 4, Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC.

(Công văn 3431/CTBDI-TTHT ngày 06/10/2023 của Cục thuế Bình Định)

* ***Chi phí hoa hồng môi giới cho cá nhân nước ngoài***

Chi phí hoa hồng môi giới cho cá nhân nước ngoài để xuất khẩu hàng hóa thì được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN; chứng từ bao gồm: hợp đồng, invoice, chứng từ thanh toán là đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC.

(Công văn 107/CTBDI-TTHT ngày 09/01/2024 của Cục thuế Bình Định)

5. Giao dịch liên kết

❖ **Các trường hợp được xác định là có giao dịch liên kết** *(theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025):*

a. Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

b. Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

c. Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

d. Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện tổng dư nợ các khoản vốn vay của doanh nghiệp đi vay với doanh nghiệp cho vay hoặc bảo lãnh ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng dư nợ tất cả các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

đ. Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

e. Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

g. Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

h. *Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;*

i. *Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;*

k. *Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp (bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp) chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;*

l. *Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này.Tổ chức tín dụng với Công ty con hoặc với Công ty kiểm soát hoặc với Công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);*

m. *Tổ chức tín dụng với Công ty con hoặc với Công ty kiểm soát hoặc với Công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).*

❖ **Những lưu ý liên quan đến chi phí tính thuế TNDN** đối với các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết:

– Chi phí của giao dịch liên kết không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ.

– Chi phí dịch vụ giữa các bên liên kết không được tính vào chi phí được trừ bao gồm:

  + *Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác;*
  + *Dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết;*
  + *Dịch vụ tính phí trùng lắp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế;*
  + *Dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn và chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.*

– Chi phí lãi vay thuần (chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) vượt quá 30% EBITDA không được tính vào chi phí được trừ. Chi phí lãi vay vượt ngưỡng khống chế không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo với thời hạn chuyển tiếp tối đa là 5 năm. (Ngưỡng khống chế chi phí lãi vay không áp dụng đối với một số khoản vay vốn ưu đãi)

*(Tìm hiểu thêm về dịch vụ tư vấn lập hồ sơ giao dịch liên kết của AUD Việt Nam **tại đây**)*

6. Bù trừ thu nhập chịu thuế

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn.
- Phần thu nhập chịu thuế còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.
- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.

7. Chuyển lỗ

- Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về ***thu nhập tính thuế*** chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ năm trước chuyển sang.
- Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế TNDN mà bị lỗ thì được chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế những năm tiếp theo.
- Thời gian chuyển lỗ liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ. Ví dụ: Lỗ phát sinh năm 2019 chỉ được chuyển lỗ đến hết năm 2025. Quá thời hạn 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, nếu số lỗ phát sinh chưa chuyển hết thì sẽ không được chuyển vào thu nhập của các năm tiếp theo.
- Số lỗ giữa các quý trong cùng một năm tài chính thì được bù trừ số lỗ của quý trước vào các quý tiếp theo của năm tài chính đó. Khi quyết toán thuế TNDN, doanh nghiệp xác định số lỗ của cả năm và chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp sau năm phát sinh lỗ theo quy định.

8. Thuế suất thuế TNDN

Thuế suất	Điều kiện	Ghi chú
15%	Doanh thu năm ≤ 3 tỷ	(*)
17%	3 tỷ < Doanh thu năm ≤ 50 tỷ	(*)
20%	Doanh thu năm > 50 tỷ	Trường hợp không đáp ứng điều kiện về áp dụng thuế suất 15% hoặc 17% thì áp dụng thuế suất 20%
25% - 50%	Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, khai thác tài nguyên quý hiếm	

(*) Cơ sở xác định doanh thu để áp dụng thuế suất 15% hoặc 17%:

Doanh thu làm căn cứ tính ưu đãi là doanh thu của **năm trước liền kề**, được tính như sau:

Doanh thu xác định = Tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm khoản giảm trừ doanh thu) + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác

(Theo số liệu trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề)

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 03 tỷ đồng hoặc không quá 50 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý tương ứng theo mức thuế suất 15% hoặc 17%.

Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế như dự kiến nêu trên thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp tổng doanh thu thực tế không đáp ứng điều kiện để hưởng mức thuế suất tương ứng như dự kiến nêu trên dẫn đến nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp theo quy định thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Lưu ý quan trọng:

- Thuế suất 15% và 17% không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định.

- Thuế suất 15% và 17% không áp dụng đối với:
  + *Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ thu nhập từ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng dự án chế biến khoáng sản), chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;*
  + *Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản;*
  + *Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng; thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền, lọc hóa dầu;*
  + *Các khoản thu nhập khác quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế.*

9. Ưu đãi thuế TNDN

Các loại hình ưu đãi thuế TNDN

Miễn thuế	Ưu đãi địa bàn	Ưu đãi ngành nghề
Miễn thuế đối với một số khoản thu nhập theo quy định tại Điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.	– Địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn – Địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn – Khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.	20 ngành nghề được ưu đãi, trong đó có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất đáp ứng về quy mô vốn.

Ưu đãi thuế TNDN được quy định chi tiết từ Điều 18 đến Điều 23 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ.

10. Miễn giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

Căn cứ theo Nghị định 20/2026/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân ("Nghị định 20")

Theo quy định tại Điều 7, Nghị định 20 quy định về nội dung ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu như sau:

"Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại"

Lưu ý quan trọng:

Quy định ưu đãi tại khoản này không áp dụng đối với:

- *Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;*
- *Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;*
- *Thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.*

DỊCH VỤ CỦA AUD VIỆT NAM

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam tự hào với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế, luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trên con đường phát triển bền vững. Từ những ngày đầu thành lập, chúng tôi đã không ngừng nỗ lực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, uy tín, cùng các giải pháp tài chính hiệu quả.

Các dịch vụ AUD Việt Nam cung cấp:

Dịch vụ kiểm toán

- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính
- Dịch vụ kiểm toán xây dựng cơ bản
- Dịch vụ kiểm toán chung cư

Dịch vụ kế toán - thuế

- Dịch vụ kế toán trọn gói
- Dịch vụ hoàn thuế
- Dịch vụ khai thuế
- Dịch vụ chuyển đổi BCTC

Dịch vụ tư vấn

- Dịch vụ tư vấn tài chính
- Dịch vụ tư vấn thuế
- Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ giao dịch liên kết

Dịch vụ tuyển dụng - đào tạo

- Dịch vụ tuyển dụng kế toán viên, kế toán trưởng
- Dịch vụ đào tạo chuyên sâu về kế toán, thuế
- Dịch vụ tư vấn về quy trình và hệ thống kế toán

Kết nối với chúng tôi để tìm hiểu cập nhật các tin tức mới nhất về thuế và kế toán

Tài liệu hướng dẫn quyết toán thuế TNDN của AUD Việt Nam chỉ mang tính hướng dẫn chung và được trích từ các văn bản hướng dẫn do các cơ quan nhà nước ban hành. Việc áp dụng quy định có thể khác nhau tùy từng trường hợp và giao dịch cụ thể, vì vậy vui lòng liên hệ với đội ngũ tư vấn của chúng tôi để được tư vấn cụ thể.

Liên hệ

Phan Văn Liêm
Tổng Giám đốc
liempv@aud.vn

Trương Văn Minh
Phó Tổng Giám đốc
minhtv@aud.vn

Ngô Lê Hải
Phó Tổng Giám đốc
hainl@aud.vn

Vũ Gia Hùng
Phó Tổng Giám đốc
hungvg@aud.vn

Nguyễn Thị Bích Lý
Giám đốc KSCL
lyntb@aud.vn

Phạm Thị Ngọc Mai
Chủ nhiệm Tư vấn Đào tạo
maiptn@aud.vn

Nguyễn Thế Phương
Giám đốc kiểm toán I
phuongnt@aud.vn

Trần Trung Hiếu
Giám đốc kiểm toán II
hieutt@aud.vn

Ngô Hoàng Tùng
Giám đốc kiểm toán III
tungnh@aud.vn

Cao Thị Thêm
Giám đốc dịch vụ kế toán
themct@aud.vn

Website	www.aud.vn
Điện thoại	0236 36 333 99
E-mail	aud@aud.vn
Facebook	facebook/audvietnam
Địa chỉ	129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng